



## PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HUNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

Ngô Xuân Toàn và Đỗ Thị Thanh Vinh<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Trung tâm Dạy nghề Hưng Nguyên, Nghệ An - Đại học Nha Trang

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 30/12/2013

Ngày chấp nhận: 29/04/2014

### Title:

Economic development model farm in Hung Nguyen district, Nghe An province

### Từ khóa:

Thực trạng phát triển mô hình kinh tế trang trại, lợi thế ở huyện Hưng Nguyên Tỉnh Nghệ An

### Keywords:

Model development status of the farm economy, the advantage in Hung Nguyen district, Nghe An province

### ABSTRACT

*Development of an economic model farms is one of the strategic directions of Vietnam's agricultural economics. On the basis of analyzing the current situation of development of economic farm model in Hung Nguyen district, Nghe An province recently, it is possible to identify factors that constraint the development of economic farm model in Hung Nguyen district, Nghe An Province, as well as to contribute intoshaping and building the effective model in Hung Nguyen district, Nghe An province.*

### TÓM TẮT

*Phát triển mô hình kinh tế trang trại là một trong những định hướng chiến lược của kinh tế nông nghiệp Việt Nam. Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển mô hình kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hưng Nguyên-tỉnh nghệ An trong thời gian qua, từ đó nhận diện các yếu tố hạn chế trong việc phát triển mô hình kinh tế trang trại huyện Hưng Nguyên-tỉnh Nghệ An, góp phần định hướng, xây dựng các giải pháp phát triển các mô hình hiệu quả và đề xuất giải pháp nhằm khắc phục các hạn chế và phát triển mô hình kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hưng Nguyên-tỉnh Nghệ An.*

## 1 GIỚI THIỆU

Trong những năm qua, mô hình kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hưng Nguyên-tỉnh Nghệ An còn bộc lộ nhiều bất cập trước những yêu cầu nhiệm vụ mới trong công cuộc công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn mới. Sản phẩm dịch vụ nghèo nàn, đơn điệu, quy mô nhỏ lẻ, manh mún mang tính tự phát thiếu tập trung. Việc thu hút vốn trong đầu tư phát triển kinh tế trang trại còn nhiều hạn chế, vướng mắc về thủ tục cấp quyền sử dụng đất, vốn vay, cơ sở hạ tầng...

Để khắc phục những tồn tại bất cập, tác giả đã đề xuất những giải pháp thúc đẩy sự phát triển của kinh tế trang trại trên địa bàn theo hướng tập trung chuyên canh, sản xuất hàng hóa, thúc đẩy xuất

khẩu các sản phẩm có giá trị cao đem lại hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội, môi sinh, môi trường góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, giải quyết việc làm ổn định và góp phần vào việc xoá đói giảm nghèo ở khu vực nông nghiệp và nông thôn.

## 2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1 Khái niệm về kinh tế trang trại

Kinh tế trang trại là một khái niệm không còn mới với các nước kinh tế phát triển và đang phát triển. Song đối với Việt Nam vẫn còn là một vấn đề mới, do nước ta mới chuyển sang nền kinh tế thị trường nên việc nhận thức chưa đầy đủ về kinh tế trang trại là điều không thể tránh khỏi, đồng thời

còn một nguyên nhân là việc nghiên cứu lý luận và đầu tư cho phát triển kinh tế trang trại ở nước ta vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Đối với mỗi nước, mỗi vùng lãnh thổ đều có một cách nhìn nhận riêng về lý luận kinh tế trang trại và đưa ra các khái niệm khác nhau về kinh tế trang trại.

Theo một số nhà khoa học trên thế giới thì khái niệm về kinh tế trang trại như sau:

Lênin đã phân biệt kinh tế trang trại “Người chủ trang trại bán ra thị trường hầu hết các sản phẩm làm ra, còn người tiểu nông thì dùng đại bộ phận sản phẩm sản xuất được, mua bán càng ít càng tốt”.

Quan điểm của Mác đã khẳng định, điểm cơ bản của trang trại gia đình là sản xuất hàng hóa, khác với kinh tế tiểu nông là sản xuất tự cấp tự túc, nhưng có điểm giống nhau là lấy gia đình làm cơ sở nòng cốt.

Trước khi có nghị quyết số 03 của chính phủ thống nhất nhận thức về tính chất và vị trí của kinh tế trang trại, các nhà khoa học trong nước đã có một số quan điểm như sau:

Quan điểm 1: “Kinh tế trang trại (hay kinh tế nông trại, lâm trại, ngư trại...) là hình thức tổ chức kinh tế cơ sở của nền sản xuất xã hội, dựa trên cơ sở hợp tác và phân công lao động xã hội,

Quan điểm 2: “Kinh tế trang trại là kinh tế hộ nông dân sản xuất hàng hóa ở mức độ cao”.

Quan điểm 3 cho rằng: “Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa lớn trong Nông-Lâm-Ngư nghiệp của các thành phần kinh tế”.

Từ các quan điểm trên đây đã hình thành khái niệm chung về kinh tế trang trại là: “Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất trong Nông-Lâm-Ngư nghiệp, có mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hóa, tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của một người chủ độc lập, sản xuất được tiến hành trên quy mô ruộng đất và các yếu tố sản xuất được tập trung đủ lớn với cách thức tổ chức quản lý tiên bộ và trình độ kỹ thuật cao hoạt động tự chủ và luôn gắn với thị trường”.

### 2.1.2 Vai trò và vị trí của kinh tế trang trại

Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất quan trọng vấn đề nông nghiệp thế giới, ngày nay trang trại gia đình là loại hình chủ yếu trong nền nông nghiệp. Ở các nước đang phát triển, trang trại gia đình có vai trò to lớn quyết định trong sản xuất nông nghiệp, ở đây tuyệt đại bộ phận nông sản

phẩm cung cấp cho xã hội được sản xuất ra từ các trang trại gia đình.

Ở nước ta kinh tế trang trại mặc dù mới phát triển trong những năm gần đây. Song vai trò tích cực và quan trọng của kinh tế trang trại đã thể hiện khá rõ nét cả về mặt kinh tế cũng như về mặt xã hội và môi trường.

– Về mặt kinh tế, các trang trại góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao, khắc phục dần tình trạng phân tán, tạo nên những vùng chuyên môn hóa cao mặt khác qua thúc đẩy chuyên dịch cơ cấu kinh tế trang trại góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp, đặc biệt công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất ở nông thôn.

– Về mặt xã hội, phát triển kinh tế trang trại góp phần quan trọng làm tăng số hộ giàu trong nông thôn, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho lao động. Điều này rất có ý nghĩa trong giải quyết vấn đề lao động và việc làm, một trong những vấn đề bức xúc của nông nghiệp nông thôn nước ta hiện nay.

– Về mặt môi trường: Do sản xuất kinh doanh tự chủ và vì lợi ích thiết thực và lâu dài của mình mà các chủ trang trại luôn có ý thức khai thác hợp lý và quan tâm bảo vệ các yếu tố môi trường.

Các trang trại ở trung du, miền núi đã góp phần quan trọng vào việc trồng rừng, bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai - những việc làm này đã góp phần tích cực cải tạo và bảo vệ môi trường sinh thái trên các vùng đất nước.

### 2.1.3 Tiêu chí nhận dạng, đánh giá hiệu quả về kinh tế trang trại

– Để xác định một đơn vị sản xuất kinh doanh cơ sở trong nông nghiệp có phải là trang trại hay không, thì phải có tiêu chí để nhận dạng trang trại có căn cứ khoa học tiêu chí nhận dạng trang trại cần phải hàm chứa được đặc trưng cơ bản của trang trại, nhằm đảm bảo tính chính xác của việc nhận dạng trang trại, chúng ta đi xác định các tiêu chí về mặt định tính cũng như mặt định lượng của trang trại.

Về mặt định tính, tiêu chí trang trại biểu hiện đặc trưng cơ bản của trang trại là sản xuất nông sản hàng hóa.

Về mặt định lượng, tiêu chí nhận dạng trang trại thông qua các chỉ tiêu cụ thể nhằm để nhận dạng, phân biệt loại cơ sở sản xuất nào được coi là

trang trại, loại cơ sở nào không được coi là trang trại và để phân loại giữa các trang trại về quy mô.

Theo thông tư liên tịch số 69 liên bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, tổng cục thống kê và thông tư số 74/2003/TT-BNN điều chỉnh về tiêu chí xác định trang trại thì kinh tế trang trại phải đạt 1 trong 2 tiêu chí sau:

*Tiêu chí 1:* Giá trị hàng hóa và sản lượng bình quân 1 năm đối với các tỉnh Bắc và Duyên hải miền trung từ 40 triệu đồng trở lên; đối với các tỉnh phía Nam và Tây nguyên từ 50 triệu đồng trở lên.

*Tiêu chí 2:* Quy mô sản xuất phải tương đối lớn và vượt trội so với kinh tế nông hộ tương ứng với từng ngành sản xuất và vùng kinh tế.

- Đối với trang trại trồng trọt:
  - + Trang trại trồng cây hàng năm: Từ 2 ha trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và duyên hải miền Trung; từ 3 ha trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên.
  - + Trang trại trồng cây lâu năm: Từ 3 ha trở lên đối với đối với các tỉnh phía Bắc và duyên hải miền Trung; từ 5ha trở lên với các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên.
  - + Trang trại trồng hồ tiêu từ 0,5ha trở lên
- Trang trại Lâm nghiệp: Từ 10 ha trở lên đối với các vùng trên cả nước.
- Đối với trang trại chăn nuôi:
  - + Chăn nuôi đại gia súc (trâu bò...): Chăn nuôi sinh sản, lấy sữa có thường xuyên từ 10 con trở lên; chăn nuôi lấy thịt có thường xuyên từ 50 con trở lên.
  - + Chăn nuôi gia súc (lợn, dê...): Chăn nuôi sinh sản có thường xuyên đối với 20 con lợn trở lên, đối với dê cừu từ 100 con trở lên; chăn nuôi lợn thịt có thường xuyên từ 100 con trở lên (không kể lợn sữa), Dê thịt từ 200 con trở lên.
  - Chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng...): Có thường xuyên từ 2.000 con trở lên (không tính đầu con dưới 7 ngày tuổi).
  - Trang trại nuôi trồng thủy sản: Diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản có từ 2 ha trở lên (riêng đối với nuôi tôm thịt theo kiểu công nghiệp có từ 1 ha trở lên).

Ngày 13/4/2011 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra thông tư số 27, trong đó có mục xác định tiêu chí của kinh tế trang trại lên mức độ cao hơn so với các văn bản trước đó.

## 2.2 Phương pháp nghiên cứu

- Số liệu thu thập được trên cơ sở thu thập qua các báo cáo hằng năm, báo cáo tổng kết của các xã, thị trấn tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi cục Thống kê, Văn phòng đăng ký cấp quyền sử dụng đất và Trung tâm dân số của huyện.

- Số liệu thu được qua các chủ trang trại và người đang trực tiếp sản xuất thông qua phiếu câu hỏi.

Thông qua các chuyên gia có chuyên môn về trang trại để tham khảo ý kiến từ đó có cơ sở để tổng hợp, so sánh, phân tích số liệu với các mức độ khác nhau.

## 3 KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ

### 3.1 Kết quả

Một số mô hình trang trại sản xuất có hiệu quả trên địa bàn huyện Hưng Nguyên:

#### Vùng dọc sông Lam:

*Mô hình trang trại RVAC:* Hộ gia đình ông Trương Văn Quang - Xóm 6 - xã Hưng Xá. (Khu vực bãi sông Lam).

Diện tích 3 ha, trong đó: + Diện tích trồng cây Lâm nghiệp: 1,5 ha (gồm các loại cây Keo, xoan đầu).

- Diện tích trồng cây hàng năm 1 ha chủ yếu trồng các loại cây thời vụ như lạc, ngô, khoai, rau màu các loại.

- Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản 5000 m<sup>2</sup> chủ yếu nuôi các loại cá truyền thống.

- Diện tích chuồng trại chăn nuôi: 150 m<sup>2</sup> chăn nuôi 10 con bò, 15 con lợn, 170 con gia cầm.

*Mô hình trang trại kinh doanh tổng hợp:* Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Minh - xóm 9A xã Hưng Long.

Diện tích: 1,5 ha, được thuê khoán thời hạn 5 năm với xã, trong đó: + Diện tích ao cá: 1,4 ha. Diện tích chuồng trại chăn nuôi: 300 m<sup>2</sup> trong đó chăn nuôi Lợn thường xuyên 50 con, chăn nuôi vịt thịt, gà 1.000 con.

Diện tích cho kinh doanh, dịch vụ: 300 m<sup>2</sup>, loại hình kinh doanh: vật tư phục vụ sản xuất, vật liệu xây dựng.

#### Mô hình vùng Giữa:



**Hình 1: Trang trại ông Nguyễn Huy Tiến**

*Mô hình VAC:* Hộ gia đình ông Nguyễn Huy Tiến - Xóm 4 - xã Hưng Tiến - Diện tích 2,3 ha, trong đó: + Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản: 20.000 m<sup>2</sup>, diện tích chuyên cá 1,3 ha; diện tích nuôi cá xen lúa 0,7 ha. + Diện tích chuồng trại dành cho chăn nuôi: 1.500 m<sup>2</sup> trong đó thường xuyên có từ 30 con lợn nái đẻ, 300 con lợn thịt; 4000 con gia cầm trở lên.

- Diện tích vườn trại + bờ ao: 1.500 m<sup>2</sup> trồng các loại cây ăn quả, cây hằng năm...

- Các loại máy móc có trong trang trại gồm có máy chế biến thức ăn, máy xay cá 2 cái, quạt gió với giá trị máy móc là 20.000.000 đ.

- Số lao động thường xuyên phục vụ trang trại 5 người, trong đó thuê mướn 2 người với thu nhập bình quân từ 2.000.000 đ/người/tháng.

*Mô hình trang trại VAC:* Hộ gia đình ông Lê Quốc Tân - Xóm 5 xã Hưng Tiến.



**Hình 2: Trang trại ông Lê Quốc Tân**

Diện tích trang trại 2,3 ha, trong đó:

- Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản: 20.000 m<sup>2</sup>, diện tích chuyên cá 2 ha;

- Diện tích chuồng trại dành cho chăn nuôi: 1.500 m<sup>2</sup> trong đó thường xuyên có 400 con lợn thịt; 2000 con gia cầm trở lên.

- Diện tích vườn trại + bờ ao: 1.500 m<sup>2</sup> trồng các loại cây ăn quả, bầu bí...

**Mô hình Vùng ngoài:**

*Mô hình VAC:* Hộ gia đình ông Hoàng Nam Cung - Khoa Đà 2 - xã Hưng Tây

Diện tích 1 ha, trong đó:

- Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản: 8000 m<sup>2</sup>.

- Diện tích chuồng trại dành cho chăn nuôi: 984 m<sup>2</sup> trong đó thường xuyên có từ 200 con lợn, 2000 con gia cầm trở lên.

- Diện tích vườn trại (bờ ao): 1.026 m<sup>2</sup>.



**Hình 3: Trang trại ông Hoàng Nam Cung**



**Bảng 1: Tiêu chí sản xuất đạt được của trang trại trên địa bàn huyện Hưng Nguyên-Nghệ An**

STT	Nội dung	Kết quả
1	Số lượng trang trại:	626 trang trại
	- Trước năm 2012	6 Trang trại
2	- Sau năm 2012 áp dụng (TT27/2011)	(m2)/trang trại
	Quy mô sản xuất:	150.000
	- Trang trại trồng trọt.	4.296,7
	-Trang trại chăn nuôi.	48.330
	- Lâm nghiệp.	7.458,1
	-Thủy sản.	11.797
3	- Trang trại kinh doanh tổng hợp.	2.271 lao động
	Lao động	1.478 lao động
	- Chủ hộ trang trại.	793 lao động
4	- Thuê ngoài.	Tỷ lệ %
	Vốn sản xuất	97,75%
	- Trang trại tự có.	2,25%
5	- Vay ngân hàng, tín dụng.	Bình quân lãi ròng/năm.
	Hiệu quả sản xuất.	110 triệu
	- Trang trại trồng trọt.	75 triệu.
	- Trang trại chăn nuôi.	120 triệu.
	- Trang trại lâm nghiệp.	52 triệu.
	- Trang trại thủy sản.	85 triệu.
6	- Trang trại kinh doanh tổng hợp.	Tiêu thụ hàng hóa.
	a. Hình thức tiêu thụ:	Bán trực tiếp
	- Sản phẩm trồng trọt.	53,42(%)
	- Sản phẩm chăn nuôi.	64,20(%)
	- Sản phẩm thủy sản.	62,16(%)
	- Sản phẩm lâm nghiệp.	37,50(%)
	b. Địa điểm tiêu thụ:	Tiêu thụ tại chỗ
	- Sản phẩm trồng trọt.	82,14(%)
	- Sản phẩm chăn nuôi.	85,07(%)
	- Sản phẩm thủy sản.	78,18(%)
	- Sản phẩm lâm nghiệp.	66,67(%)
	7	Chính sách hỗ trợ.
- Thông tin.		65,3%
- Khoa học kỹ thuật.		76,4%
- Xây dựng mô hình.		19,4%
- Chính sách phát triển kinh tế trang trại		34,7%

Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện

**Bảng 2: Tổng hợp về hiệu quả sản xuất của các trang trại trên địa bàn huyện Hưng Nguyên**

Loại hình trang trại	Số lượng trang trại	D.tích (m <sup>2</sup> )	Tổng DT (m <sup>2</sup> )	Vốn đầu tư (Tr. đồng)	Tổng số vốn (tr.đ)	Lợi nhuận (tr.đ)	Tổng Lợi nhuận (tr.đ)
Trồng trọt	1	150.000	150.000	450	450	110	110
Thủy sản	79	7.458,1	589.190	196,4	15.517	51,0	4.027,1
chăn nuôi	210	4.296,7	902.300	260,0	54.605	70,7	14.847
lâm nghiệp	5	48.330,0	241.650	184,0	920	112,0	560
tổng hợp	331	11.797,0	3.904.807	119,8	39.669	82,5	27.312
Tổng	626	9.245,9	5.787.947	177,6	111.161	74,9	46.856,1

Nguồn: Phòng Nông nghiệp huyện

**Bảng 3: Một số chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế trang trại năm 2012**

Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra			TTS	Tổng hợp	Nguyễn Quốc Trung	Hoàng Thị Minh xóm 2	Phan Nguyễn Kiều xóm 2	Trần Quốc Trung	Nguyễn Huy Tiên xóm 4. H.Tiền	Lê Quốc Tân xóm 5. H.Tiền
				Tròn g trại	Chăn nuôi	Lâm nghiệp			xóm 1-H.đạo	xóm 2 H.đạo	xóm 1	xóm 2	xóm 4. H.Tiền	xóm 5. H.Tiền
A	B	C	1=2+...+6	2	3	4	5	6						
I. Số lượng trang trại	1	Trang trại	6	6					1	1	1	1	1	1
II. Lao động của trang trại														
1. Lao động thường xuyên của trang trại(2=3+5)	2	Người	18	18					2	6	2	2	4	2
1.1.Lao động của chủ hộ trang trại	3	Người	14	14					2	6	2	1	1	2
Trong đó: Số lao động trong độ tuổi	4	Người	14	14					2	6	2	1	1	2
1.2 Lao động thuê ngoài thường xuyên	5	Người	4	4								1	3	
Trong đó: Số lao động trong độ tuổi	6	Người	4	4								1	3	
2. Lao động thuê ngoài thời vụ ở thời điểm cao điểm nhất 12 tháng qua.	7	Người	38	38					4	10	2	8	4	10
II. Đất đang sử dụng của trang trại(8=9+12+13+14)	8	Ha	11,55	11,55					2,25	3,55	1,1	1,05	1,5	2,1
1. Đất SX nông nghiệp(9=10+11)	9	Ha	1,25	1,25					1,05	0	0,1	0	0	0,1
Chia ra: a. Đất	10	Ha	1,15	1,15					1,05					0,1
b. Đất	11	Ha	0,1	0,1							0,1			
2. Đất lâm nghiệp.	12	Ha	0	0										
3. Diện tích NTTS	13	Ha	10	10					1,2	3,5	1	1	1,3	2
4. Đất khác	14	Ha	0,3	0,3						0,05		0,05	0,2	
IV. Số lượng gia súc, gia cầm			0	0										
1. Trâu.	15	con	0	0										
2. Bò	16	Con	2	2					2					
3. Lợn (không kể lợn sữa)	17	Con	745	745					37	20	18	500		170
Trong đó lợn thịt			684	684					32	20	15	447		170
4. Gà	18	1000 Con	6.000	6.000									6.000	
5. Vịt		1000 Con	5.500	5.500					1.500	2.000	2.000			
V. Giá trị thu từ nông- lâm-ngư	19	Triệu đồng	10.295	10.295					1.386	1.768	1.555	1.360	2.150	2.076
VI. Giá trị sản phẩm và dịch vụ NLTS bán ra	20	Triệu đồng	9.940	9.940					1.300	1.700	1.500	1.340	2.100	2.000

Theo TT số 27. Nguồn: thông qua phiếu hỏi

**Bảng 4: Một số chỉ tiêu về số lượng trang trại trên địa bàn và theo Thông tư số 27**

Loại hình trang trại	Năm 2010	Năm 2012	Theo Thông tư số 27
1. Trang trại trồng cây hằng năm	1	1	
2. Trang trại chăn nuôi	197	210	6
3. Trang trại lâm nghiệp	6	5	
4. Trang trại nuôi trồng thủy sản	62	79	
5. Trang trại kinh doanh tổng hợp	217	331	
Tổng số	483	626	

### 3.2 Đánh giá

Qua các tiêu chí hoạt động sản xuất của các trang trại và một số mô hình sản xuất có hiệu quả và các bảng số liệu trên ta thấy:

– Kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hưng Nguyên- tỉnh Nghệ An đang có nhiều vấn đề cần quan tâm và khắc phục. Nhìn chung, số lượng các trang trại tăng lên hằng năm về số lượng và cả quy mô. Các loại hình trang trại phân bố không đồng đều thể hiện thiếu quy hoạch trong tổng thể phát triển kinh tế trang trại số trang trại trồng trọt, lâm nghiệp rất ít trong khi tiềm năng và thế mạnh hai loại hình này rất cao. Trang trại chăn nuôi và kinh doanh tổng hợp chiếm số lượng lớn, theo Thông tư 27/2011 số lượng trang trại đạt yêu cầu chỉ có 6 trang trại hoạt động có hiệu quả còn lại số không đủ chỉ tiêu về quy mô diện tích trở thành gia trại.

– Lực lượng lao động của trang trại chủ yếu của chủ hộ là chính còn lại trên 34% thuê mướn theo thời vụ nhìn chung số lao động trong trang trại tay nghề yếu chưa qua đào tạo kinh nghiệm rất ít. Nguồn vốn phục vụ sản xuất chủ yếu của chủ trang trại là chính vốn vay từ các hoạt động tín dụng và ngân hàng rất ít thủ tục phiền hà khó khăn. Tiêu thụ hàng hóa nông sản chủ yếu chủ trang trại tiêu thụ trực tiếp tại chỗ một phần tiêu thụ qua ngoài huyện ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất.

– Hiệu quả sản xuất của trang trại nhìn chung các loại hình trang trại cho thu nhập và lợi nhuận tương đối cao điều này khẳng định phát triển kinh tế trang trại trong nông nghiệp nông thôn là hướng đi đúng đắn. Bên cạnh đó các chế độ chính sách đến với trang trại rất khiêm tốn ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất của trang trại nhất là rủi ro do bệnh tật gây ra.

#### Những mặt đạt được:

Thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn tăng tỷ trọng sản xuất hàng hóa, tạo ra nhiều vùng sản xuất tập trung, làm tiền đề cho công nghiệp chế biến nông sản phát triển, xóa đói giảm nghèo. Khai thác diện tích đất trồng, đồi núi trọc, đất hoang hóa vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi thủy sản, cải thiện môi trường, huy động được lượng vốn đầu tư trong dân để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và tạo việc làm tăng thu nhập cho nông dân. Sản phẩm hàng hóa và thu nhập ngày một nâng cao.

#### Những mặt tồn tại:

Quy mô kinh tế trang trại hiện nay còn nhỏ,

chưa đồng đều còn mang tính tự phát, phân tán. Việc lựa chọn một số cây loại cây trồng, vật nuôi chưa phù hợp, mất cân đối cung cầu, giá cả thấp dẫn đến lỗ, lãi thấp.

Phần đa các trang trại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiếm 2.56% thủ tục phiền hà.

Trình trạng cho thuê đất trái thẩm quyền với thời hạn vượt quá mức cho phép là 5 năm vẫn diễn ra (có xã cho thuê đất tới 20 năm),

Một số chủ hộ lợi dụng chính sách trang trại để nhằm mục đích lấn chiếm đất đai, xây nhà kiên cố.

Thiếu vốn cho việc mở rộng qui mô và trang bị máy móc.

#### Giải pháp đề xuất:

Trên cơ sở đánh giá về những nội dung nghiên cứu, tác giả đề xuất các giải pháp phát triển Kinh tế trang trại như sau:

##### **Thứ nhất, qui hoạch vùng phát triển kinh tế trang trại**

Để trang trại phát triển tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, hình thành các vùng sản xuất tập trung, tạo ra khả năng cạnh tranh mới. Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông, lâm, ngư nghiệp và các phương án quy hoạch có liên quan tiến hành:

**Quy hoạch sử dụng đất đai:** Thực hiện theo Thông tư số 61/2000/TT-BNNPTNT/KH ngày 06/6/2000 của liên BNN&PTNT, Bộ Kế hoạch đầu tư, TT27/2011 ngày 13/4/2011. Đối với tình hình cụ thể trên địa bàn huyện Hưng Nguyên hình thức quy hoạch theo hướng sau:

Kiểm tra, nắm chắc quỹ đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hiện có và quỹ đất trống đồi núi trọc, mặt nước có khả năng khai thác đưa vào sử dụng

Quy hoạch sản xuất nông - lâm nghiệp và chế biến - tiêu thụ nông sản: Bố trí các loại cây trồng, vật nuôi chính trong vùng phát triển trang trại, xác định một số cây trồng, vật nuôi có khả năng sản xuất hàng hóa lớn.

Xác định hướng phát triển chế biến: lựa chọn công nghệ chế biến phù hợp với từng vùng để hướng dẫn cho trang trại áp dụng, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại kết hợp với phương pháp truyền thống được cải tiến.

**Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực:** Xác định nhu cầu và hướng hỗ trợ các chủ trang trại đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức khoa học công nghệ, quản lý nhất là kiến thức tiếp thị, hạch toán kinh tế thông qua các lớp đào tạo ngắn hạn và dài hạn.

**Thứ hai, tiến hành giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ)**

Hộ gia đình, cá nhân đã sử dụng đất phát triển trang trại nhưng chưa được giao, chưa được cho thuê hoặc đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ngày 02/02/2000 (ngày ban hành Nghị quyết 03/2000/NQ-CP của Chính phủ), mà sử dụng đúng mục đích, đúng quy hoạch và không có tranh chấp, được xét đề giao, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài. Việc giao đất, cho thuê đất lập trang trại mới được thực hiện theo Nghị định 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 và Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của CP.

**Thứ ba, nâng cao trình độ ứng dụng khoa học công nghệ ở các trang trại**

Khuyến khích phát triển thông qua một số giải pháp hỗ trợ theo hướng sau:

- Nhà nước đầu tư xây dựng các cơ sở ươm, nhân giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo cung cấp đủ giống tốt cho trang trại và nông dân trong vùng.

- Hướng dẫn trang trại áp dụng những tiến bộ công nghệ về bảo quản sản phẩm, nhất là bảo quản rau, quả, kéo dài thời gian tiêu thụ.

- Tổ chức công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công để giúp các trang trại áp dụng nhanh những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, xử lý kịp thời những trường hợp buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng để giúp trang trại sản xuất có hiệu quả, hạn chế rủi ro.

- Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp khoa học, cán bộ khoa học liên kết với chủ trang trại tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng những công nghệ tiên tiến tại trang trại.

**Thứ tư, hỗ trợ trang trại xây dựng cơ sở hạ tầng, tiếp cận thị trường, tiêu thụ hàng hóa**

- Nhà nước đầu tư các công trình như: công trình thủy lợi đầu mối, kênh trục chính, hệ thống

giao thông, điện nhất là các vùng có trang trại tập trung, các vùng đất mới.

- Cung cấp thông tin thị trường, tạo điều kiện cho các chủ trang trại được tham gia các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm, mở rộng giao lưu trong và ngoài nước.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và giúp đỡ trang trại xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các trang trại trong việc tiêu thụ sản phẩm, cung ứng vật tư... xây dựng các mô hình hợp tác giữa các trang trại thực hiện liên kết giữa các hợp tác xã trang trại với các doanh nghiệp.

- Khuyến khích phát triển hệ thống trung tâm dịch vụ mua bán nông sản và vật tư ở các thị trường, thị tứ, nâng cấp hệ thống chợ, đường bảo đảm hàng hóa lưu thông, nhất là ở các địa bàn có nhiều trang trại.

**Thứ năm, nâng cao năng lực quản lý của chủ trang trại và nâng cao tay nghề của người lao động**

Nguồn nhân lực của trang trại gồm cả số lượng và chất lượng của các thành viên trang trại và người làm thuê. Để nâng cao hiệu quả của kinh tế trang trại trên phương diện phát triển nguồn nhân lực, tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu sau:

- Nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh và trình độ khoa học kỹ thuật của chủ trang trại: Đối tượng đào tạo: Nâng cao năng lực quản lý cho chủ trang trại là vấn đề rất cấp bách. Trước mắt tiến hành đào tạo cho chủ trang trại và cán bộ quản lý ở cơ sở trực tiếp quản lý các hoạt động của trang trại.

- + Hình thức đào tạo: Thông qua tổng kết, tham quan các trang trại quản lý kinh doanh giỏi. Đồng thời bồi dưỡng nâng cao kiến thức thông qua các lớp đào tạo ngắn hạn và dài hạn, mở các lớp hướng dẫn kiến thức quản lý kỹ thuật cho chủ trang trại, hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở kinh phí đào tạo nghề hằng năm và kinh phí đào tạo theo quyết định 50 của ủy ban nhân dân tỉnh cùng với đóng góp của chủ trang trại.

- + Đào tạo tay nghề phù hợp cho một bộ phận lao động kỹ thuật khảo sát nhu cầu các nghề cần thiết, nguồn kinh phí phục vụ theo quyết định 50 và kinh phí đào tạo nghề hằng năm. Khuyến khích hình thức truyền nghề, đặc biệt là lao động kỹ thuật sử dụng các loại máy móc thiết bị.

**Thứ sáu, thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển kinh tế trang trại**



**Đối với các cơ chế chính sách hỗ trợ trực tiếp phát triển trang trại:**

Hỗ trợ giá trị mua con giống, cây giống mới, đường điện, một phần hệ thống bơm tưới cho các vùng chuyên canh các loại rau màu có giá trị kinh tế cao. Hỗ trợ một phần giá trị công trình bể Biogas đối với trang trại chăn nuôi nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

**Đối với các chính sách ngân hàng, tín dụng:**

– Cần thực hiện tốt việc cho vay vốn theo chính sách tín dụng mới phát triển nông nghiệp, nông thôn theo nghị định 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng để đảm bảo cho người chủ trang trại được vay vốn sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

– Thủ tục vay vốn: cải tiến nghiệp vụ, giảm bớt các thủ tục phiền hà, giải ngân kịp thời, triển khai có hiệu quả việc ký hợp đồng tiêu thụ nông sản theo Quyết định số 80/2002/QĐ/TTg của Chính phủ.

– Tập trung cho vay có trọng điểm. Đẩy mạnh hình thức cho vay qua tổ nhóm nhỏ nhằm tăng cường tính chính xác và hiệu quả của hoạt động cho vay qua tổ chức hội, tổ tín chấp tại địa phương. Thực hiện chính sách miễn, giảm thuế theo qui định hiện hành của Nhà nước.

**Thứ bảy, phải có giải pháp cụ thể đối với các loại hình sản xuất của trang trại**

**Đối với ngành Chăn nuôi:** Với điều kiện đất đai, địa hình tự nhiên, thời tiết, khí hậu và kinh nghiệm thực tiễn, cần quy hoạch tổng thể lại cho ngành Chăn nuôi. Trước tiên, cần quan tâm các yếu tố thời tiết, khí hậu và địa hình tự nhiên. Với chăn nuôi loại gia súc ăn cỏ, ở những vùng có tiềm năng phát triển gia súc có sừng, cũng cần quan tâm các nguồn phụ phế phẩm từ ngành công nghiệp chế biến.

Với chăn nuôi lợn phải tránh được ô nhiễm nguồn nước và môi trường. Thành lập nhóm, tổ kỹ thuật nông cốt (nông dân chăn nuôi giỏi). Đẩy mạnh tuyên truyền, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho các hợp tác xã mô hình chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa hình thành bằng chính nội lực của bản thân và gia đình họ. Giải pháp về giống: Cần đảm bảo tốt nguồn giống cho người chăn nuôi và các trang trại đảm bảo về năng suất, chất lượng về chuồng trại cần áp dụng kỹ thuật chuồng trại mới. Về tổ chức sản xuất ngành hàng trong sản xuất lợn hàng hóa, khi tổ chức chăn nuôi lợn hàng hóa cần có đầu ra ổn định, các xã, thị trấn cần tổ chức sản xuất theo chuỗi ngành hàng dọc “Từ chăn nuôi -> giết mổ sạch -> thị trường”, theo chuỗi dọc này

người chăn nuôi, các cơ sở giết mổ, người phân phối đều yên tâm về số lượng và chất lượng sản phẩm kể cả giá cả mua bán khi họ liên kết lại với nhau.

**Đối với ngành Thủy sản:** Quy hoạch các vùng nuôi thủy sản sạch tập trung an toàn để làm cơ sở cho việc xây dựng thương hiệu đủ sức cạnh tranh trên thị trường, xây dựng phương án đổi đất dồn ao để tạo điều kiện cho việc hình thành các trang trại thủy sản sản xuất tập trung với quy mô lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư nuôi thâm canh công nghiệp. Tổ chức hội nghị khách hàng để cho các chủ trang trại có điều kiện tiếp cận với các doanh nghiệp chế biến thủy sản tạo ra mối quan hệ hữu cơ giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hình thành các cơ sở dịch vụ con giống, thức ăn, tiêu thụ sản phẩm và sản xuất con giống...

**Đối với các cây trồng nông Lâm nghiệp:** Áp dụng các biện pháp về tiên bộ khoa học kỹ thuật, nhằm tận dụng, cải tạo, và phát huy được tiềm năng đất đai và lao động, thúc đẩy sự sinh trưởng của cây trồng để thu được năng suất, chất lượng cao. Đồng thời duy trì và bồi dưỡng đất đai bảo vệ nguồn nước, đảm bảo an toàn sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Giống cây trồng cần phải được cung cấp từ các đơn vị cung ứng có uy tín trên thị trường. Có chính sách về cơ chế, thị trường, tiêu thụ sản phẩm:

Để các giải pháp đi vào thực tiễn của cuộc sống và khẳng định tính khả thi về tương lai cần triển khai giai đoạn hai của nội dung nghiên cứu cần áp dụng nhân rộng các mô hình làm mẫu của từng vùng để khẳng định tính đúng đắn vấn đề nghiên cứu.

**4 KẾT LUẬN**

– Kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hưng Nguyên trong những năm gần đây đã và đang có những bước phát triển mạnh đem lại những lợi ích thiết thực cho các hộ sản xuất nói riêng cũng như kinh tế nông nghiệp huyện nhà. Thực trạng kinh tế trang trại huyện Hưng Nguyên cho thấy, sự phát triển trên chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của địa phương, quy mô còn nhỏ, manh mún, đầu tư chưa đồng bộ, giá trị thu nhập đạt thấp và thực trạng vẫn còn nhiều vướng mắc trong cơ chế... So với tiềm năng, thế mạnh của huyện là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế trang trại.

– Để phát triển kinh tế trang trại ở Hưng Nguyên nói riêng và các địa phương khác nói chung, cần sự hỗ trợ của Đảng và Nhà nước. Về tinh thần có chủ trương, kế hoạch và cơ chế chính

sách để tiến hành dần dần đổi thửa trong nông nghiệp, nhằm tạo điều kiện cho quá trình tích tụ ruộng đất. Có chính sách phù hợp và sát thực về vấn đề giải quyết vốn vay cho đầu tư cho phát triển kinh tế trang trại. Thực hiện nhiều chính sách về đào tạo, chuyển giao khoa học kỹ thuật, tham quan học tập các mô hình kinh tế trang trại làm ăn có hiệu quả giúp các chủ trang trại có thêm kiến thức về quản lý, tổ chức sản xuất, ngay tại trang trại mình. Tuyên truyền vận động nông dân từ bỏ thói quen tập tục sản xuất tự cung tự cấp và tư tưởng trông chờ ỷ lại để vươn lên. Nhà nước phải có chính sách về phát triển kinh tế trang trại, tập trung sản xuất hàng hóa trong nông lâm nghiệp và thủy sản đối với các vùng phát triển, không để tự phát, tự lo liệu trong phát triển như hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Đức Ân 2008. Tổng kết kinh tế trang trại tỉnh Nghệ An.
2. Kim Thị Dung, 1996. Giáo trình kinh tế nông nghiệp. NXB NN - Hà Nội
3. Nguyễn Điền – năm 2004 Kinh tế trang trại với Công nghiệp hóa - hiện đại hóa Nông nghiệp ở nước ta. NXB NN Hà Nội,.
4. Trần Đức, 1993. Kinh tế trang trại gia đình trên thế giới và Châu Á. NXB thống kê - Hà Nội.
5. Trần Đức. 1995 Trang trại gia đình ở Việt Nam và thế giới. NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội.
6. Phùng Ngọc Lan, 1995. Nghiên cứu xây dựng lâm nghiệp xã hội vùng đồi núi phía Bắc, Bắc Bộ. NXB NN Hà Nội.
7. Chu Hữu Quý, 1997. Phát triển kinh tế nông thôn. NXB KHXH - Hà Nội.
8. Lê Trường Sơn, 2004 Trang trại gia đình, một loại hình doanh nghiệp mới trong nền Kinh tế thị trường ở Việt Nam. Tạp chí KHPL.
9. Trần Thanh Giang, 2000 Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ CNH - HĐH ở Việt Nam. NXB chính trị quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Thanh 1993. Chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới về phát triển nông nghiệp - nông thôn. NXB NN- Hà Nội.
11. Báo cáo của UBND tỉnh Nghệ An, 2008. Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội Nghệ An đến 2020.
12. Nghị quyết 26/BCT ngày 30/7/2013, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020. UBND tỉnh Nghệ An.
13. Niên giám thống kê Nghệ An. 2011 Số liệu về Kinh tế trang trại Nghệ An phân theo các huyện năm 2010. Cục thống kê tỉnh Nghệ An.
14. Quyết định số 11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Hưng Nguyên, Cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Hưng Nguyên.